

VÀI SUY NGHĨ VỀ VIỆT NAM HỌC Ở TRUNG QUỐC

VU HƯỚNG ĐÔNG*

1. Nhận thức về khái niệm Việt Nam học

Việt Nam học, xét về tên gọi mà suy ra nghĩa, tức là những hiểu biết về Việt Nam, cũng có thể gọi là nghiên cứu về Việt Nam. Láy Việt Nam hiện nay làm đối tượng nghiên cứu. Phạm những hiểu biết liên quan đến các mặt lịch sử, văn hoá, chính trị, kinh tế, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ và nghệ thuật Việt Nam đều thuộc phạm vi Việt Nam học. Điều mà Việt Nam học cần phải chú ý tìm tòi nghiên cứu là quá trình phát triển diễn biến của lịch sử văn minh do các dân tộc ở Việt Nam sáng tạo ra và xu thế phát triển của quá trình ấy.

Về tên gọi Việt Nam học, sớm nhất có thể là do học giả phương Tây đã nêu ra và sử dụng trước sau thế kỷ XIX. Sau những phát hiện lớn về địa lý, theo bước chân chủ nghĩa thực dân đi sang phương Đông, học giả phương Tây quan tâm đến các vụ việc ở phương Đông, nghiên cứu lịch sử và văn hóa phương Đông, hình thành nên ngành Đông phương học rất có ảnh hưởng. Nội dung chủ yếu của Đông phương học phương Tây bao gồm Ấn Độ học và Hán học (hoặc gọi là Trung Quốc học, nghiên cứu Trung Quốc), Ai Cập học và Á thuật học, cũng bao gồm cả Việt Nam học hoặc nghiên cứu Việt Nam. Do Việt Nam, thậm

chí cả Đông Nam Á, trong lịch sử chịu ảnh hưởng rất lớn văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ, một thời kỳ dài các học giả phương Tây đã gắn nghiên cứu Đông Nam Á và Việt Nam với Ấn Độ học và Hán học, thậm chí làm cho nó phụ thuộc vào Ấn Độ học và Hán học. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, có không ít học giả Pháp nghiên cứu về các vấn đề Việt Nam, trước đó đã là nhà Hán học nổi tiếng.

Thời kỳ Liên Xô trước đây, nhiều học giả rất coi trọng Đông phương học bao gồm cả Việt Nam học. Khái niệm Việt Nam học có thể là do học giả Liên Xô đưa ra và đã phát huy có hiệu quả. Thập kỷ 50, 60 của thế kỷ XX, học giả Trung Quốc cũng đã một thời gian tiếp thu khái niệm Đông phương học ở học giả Liên Xô và cũng đã từng nêu lên vấn đề xây dựng Việt Nam học. Từ thập kỷ 80 đến nay, theo đà phát triển của cải cách mở cửa, nghiên cứu Đông Nam Á và Việt Nam ở Trung Quốc đã có những tiến bộ đáng kể, một số học giả lại nêu ra vấn đề chấn hưng và phát triển Việt Nam học và Đông Nam Á học của Trung Quốc. Nhiều tổ chức nghiên cứu Đông Nam Á được khôi phục và phát triển, nghiên cứu Đông Nam Á bao gồm cả nghiên cứu Việt Nam đã thu được thành quả tốt đẹp. Giữa thập kỷ 90, trên cơ sở vốn là một phòng nghiên cứu

*GS. Phó Sở trưởng Sở Nghiên cứu Việt Nam. Đại học Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Đông Dương, Đại học Trịnh Châu đã điều chỉnh phương hướng nghiên cứu, tập trung lực lượng nghiên cứu Việt Nam, thành lập Sở Nghiên cứu Việt Nam có tính chất chuyên ngành. Gần đây Đại học Bắc Kinh đã thành lập Trung tâm Đông Nam Á học, Việt Nam học cũng là một trong những điểm mạnh và quan trọng của Trung tâm này. Nhờ cố gắng chung của nhiều tổ chức nghiên cứu và đông đảo học giả, Việt Nam học và Đông Nam Á học đang trở thành ngành khoa học tổng hợp được nhiều học giả quan tâm, coi trọng, rất có tiền đề phát triển.

Mấy nhận thức sơ lược của chúng tôi về Việt Nam học:

Thứ nhất, tính quan trọng không thể bỏ qua của Việt Nam học: Xét từ phạm vi thế giới, đối tượng nghiên cứu Việt Nam học là một nước tương đối nhỏ, nhưng lại là một nước khá quan trọng. Nước này có vị trí quan trọng, có ảnh hưởng không thể xem nhẹ trên trường quốc tế. Việt Nam tự mình có nền văn minh cổ đại rực rỡ lâu đời, phong phú đa dạng, như Văn minh Hồng Hà, Văn minh Chiêm Thành, Văn hóa Hán cổ đại cũng như Văn hóa cổ Ấn Độ từng hội tụ ở đây. Thời cận đại, Việt Nam còn tiếp xúc nhiều với phương Tây, chịu ảnh hưởng Văn minh châu Âu. Về nhiều mặt và ở một mức độ nào đó, Việt Nam đến nay vẫn bảo tồn một số hình thức và nội dung văn hóa phương Đông cổ đại, trở thành "tiêu bản sống" nghiên cứu văn hóa phương Đông cổ đại, đặc biệt là văn hóa Hán. Việt Nam đương đại cũng rất đáng chú ý quan tâm. Sự nghiệp đổi mới của quốc gia này tỏ rõ sức sống phát triển mạnh mẽ. Từ thập kỷ 90 của thế kỷ XX đến nay, kinh tế phát triển với nhịp độ tăng trưởng nhanh, xã hội và chính trị ổn định, cơ chế kinh tế thị

trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được xác lập, đang vững bước tiến lên công nghiệp hoá hiện đại hóa. Xét từ các góc độ, dù từ nhận thức văn minh nhân loại đa dạng đã giao lưu và dung hợp, hay từ bài học kinh nghiệm của một nước đang phát triển tiến lên hiện đại hóa, thì ở góc độ nào cũng thấy việc tăng cường nghiên cứu Việt Nam vừa có ý nghĩa học thuật về lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn hiện thực.

Thứ nhì, tính sâu rộng nhiều lớp của nhận thức Việt Nam học: Một số người xuất phát từ góc độ so sánh các nước lớn trên thế giới, cho rằng bình diện nghiên cứu Việt Nam rất hẹp, cơ cấu trí thức cần thiết giản đơn. Phải nói rằng đó là một sự hiểu lầm. Thực tế, bình diện nghiên cứu Việt Nam khá rộng. Phát triển và đi sâu nghiên cứu Việt Nam đòi hỏi tri thức tổng hợp về các mặt Lịch sử học, Văn hóa học, Chính trị học, Kinh tế học, Ngôn ngữ học, Dân tộc học. Việt Nam học có thể chia ra hai tầng, một là nghiên cứu của các ngành khoa học và lĩnh vực cụ thể mà chủ yếu là lấy kết cấu trí thức của các khoa học cụ thể làm cơ sở, tìm tòi giải quyết vấn đề tương đối riêng lẻ, hai là nghiên cứu tổng hợp ở phạm vi của nhiều ngành khoa học và lĩnh vực, vận dụng phương pháp giao thoa của nhiều khoa học để nghiên cứu một số vấn đề có tính chất tổng quan, đòi hỏi có đủ tri thức đa ngành mới giải quyết được vấn đề, trên thực tế đó là nghiên cứu liên ngành. Xét thấy, ở tầng thứ nhất, cơ sở chuyên ngành vững vàng là vô cùng quan trọng; Còn ở tầng thứ hai thì tư duy tổng hợp ắt là không thể thiếu. Nhưng hai tầng bậc ấy đều không thể tách rời nền tảng công sức vững vàng, đều phải có nhãn quan triết học. Nghiên cứu ở hai tầng bậc ấy hỗ trợ nhau, tác thành cho nhau, không thể thiếu

một tầng bậc nào cả. Nói một cách tương đối, thì tầng bậc sau đòi hỏi ở nhà nghiên cứu có tri thức và trình độ cao hơn. Cho nên, thành quả nghiên cứu ở tầng bậc thứ nhất nhìn thấy nhiều hơn, còn thành quả nghiên cứu ở tầng bậc sau có thể nói hiếm như sừng lân lông phượng.

Thứ ba, tính chất liên quan giữa Việt Nam học với khoa học khác: Tính chất đa dạng của nền văn minh lịch sử Việt Nam và tính chất rộng rãi của mối liên hệ với văn minh lịch sử thế giới quyết định tính chất liên quan tất nhiên tồn tại giữa Việt Nam học với các khoa học khác. Nền Văn minh Việt Nam là nền văn minh ra đời và phát triển ở khu vực Đông Nam Á, cũng tất nhiên phản ánh đặc trưng của nền văn minh ở khu vực này. Việt Nam học là một bộ phận của Đông Nam Á học; Trong Đông Nam Á học, Việt Nam học là nội dung rất quan trọng. Bởi vì, trong lịch sử Đông Dương từng chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ, nên Việt Nam học còn quan hệ mật thiết với Hán học và Ấn Độ học. Tách rời cơ sở tri thức Hán học và Ấn Độ học thì sẽ khó đi sâu nhận thức nền văn minh cổ đại Việt Nam. Nhưng đồng thời với việc nhận thức tính chất liên quan, cần phải nhận thức đầy đủ rằng, Việt Nam học lại là một ngành khoa học tương đối độc lập. Việt Nam học không nên lệ thuộc vào Ấn Độ học, cũng không được lệ thuộc vào Hán học; Việt Nam học có đối tượng và phạm vi nghiên cứu rõ ràng, có tính độc lập và tính quy luật tự thân. Nếu không như vậy sẽ dễ nảy sinh một nhận thức hẹp hòi, cho rằng văn minh lịch sử Việt Nam chỉ là hình ảnh thu nhỏ của Văn minh Trung Quốc và Văn minh Ấn Độ.

Thứ tư, tính thế giới vượt ra ngoài biên giới quốc gia của Việt Nam học: Việt Nam

học lấy văn minh lịch sử do các dân tộc ở Việt Nam sáng tạo ra làm đối tượng nghiên cứu. Tính dân tộc của Văn minh lịch sử Việt Nam quyết định tính thế giới của Việt Nam học. Xét về mặt lịch sử phát triển của Việt Nam học, cũng như Hán học, trong một thời gian khá dài, Việt Nam học cũng chủ yếu là nghiên cứu của các học giả nước khác ngoài Việt Nam. Trung Quốc, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Úc, Đức, Anh v.v... đều có học giả nghiên cứu về Việt Nam. Nhưng Việt Nam học thực sự đi sâu phát triển phải có sự liên kết giữa học giả nước ngoài với học giả trong nước Việt Nam, phải cố gắng hết mức để tìm hiểu và tiếp xúc với thực tế Việt Nam. Học giả nước ngoài nghiên cứu Việt Nam và học giả Việt Nam nghiên cứu tự thân thường từ góc độ khác nhau, vận dụng phương pháp khác nhau, do đó cảm thụ và kết luận của họ cũng thường có sai biệt. Cần phải thừa nhận rằng, học giả trong nước Việt Nam và học giả nước khác trên thế giới đều có tính hạn chế, cần phải giao lưu, hợp tác.

Nhìn nhận hiện trạng Việt Nam học ở Trung Quốc, tuy thu được nhiều thành tích bởi có sự cố gắng của nhiều học giả, nhưng Việt Nam học chưa hình thành một ngành khoa học độc lập, lực lượng nghiên cứu còn khá phân tán, thiếu cơ cấu nghiên cứu thống nhất nhịp nhàng mang tính toàn quốc. Trung Quốc có Hội nghiên cứu Đông Nam Á quy mô toàn quốc, có mối liên hệ với khá đông những học giả liên quan đến nghiên cứu Việt Nam. Hội đã phát huy được tác dụng, nhưng còn không ít học giả nghiên cứu Việt Nam chưa gia nhập đoàn thể học thuật này.

Tháng 7 năm 1998, Hội nghị quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất họp ở Hà Nội. Tổ chức một Hội nghị quốc tế với quy mô

lớn như vậy là cơ hội gặp gỡ rất tốt nhằm thúc đẩy phát triển Việt Nam học trên phạm vi thế giới. Các học giả dự Hội nghị đến từ Mỹ, Nga, Nhật Bản đã giới thiệu tình hình phát triển Việt Nam ở nước họ. Người viết bài này và 12 học giả Trung Quốc khác tham dự Hội nghị, nhưng không có người nào giới thiệu tình hình nghiên cứu Việt Nam của Trung Quốc. Về sau, khi xuất bản tập bài viết tham luận chính thức, có điều chỉnh một số bài, vẫn chẳng có bài nào giới thiệu Việt Nam học của Trung Quốc cả. Điều đó gây cảm giác dường như Việt Nam học ở Trung Quốc rất yếu ớt. Kỳ thực, học giả Trung Quốc nghiên cứu Việt Nam có ưu thế và điều kiện có lợi về nhiều mặt, nghiên cứu về Việt Nam của Trung Quốc đã có lịch sử hàng nghìn năm.

2. Truyền thống lịch sử lâu đời về nghiên cứu Việt Nam của Trung Quốc

Do sự gắn bó mật thiết và mối quan hệ sâu sắc về các mặt lịch sử, văn hoá, dân tộc, địa lý, Trung Quốc là quốc gia sớm nhất thế giới ghi chép tình hình liên quan đến Việt Nam, bảo tồn nguồn tư liệu lịch sử cổ đại liên quan đến Việt Nam rất phong phú. Sử sách thời Tiên Tần đã có những ghi chép giản lược liên quan đến Việt Nam. Thời Tần Hán, đặc biệt là thời Tống trở về sau, trong sách vở quan phương và tư nhân, nội dung liên quan đến Việt Nam ngày càng nhiều. Mặc dầu sách vở cổ đại phần nhiều có tính chất sử liệu, nhưng ghi chép sử liệu liên quan, các học giả cổ đại sưu tập chỉnh lý sử liệu, sắp xếp phân loại chúng theo một thể lệ và luồng tư duy nhất định rồi bình luận, phê phán đánh giá, nêu ý kiến riêng của mình, như vậy là đã có tính chất nghiên cứu bước đầu. Có thể

nói, mặc dầu Trung Quốc thời cổ đại chưa có khái niệm Việt Nam học, nhưng nghiên cứu về Việt Nam là một sự thực tồn tại từ rất sớm. Truyền thống nghiên cứu Việt Nam, giá trị sử liệu của thành quả nghiên cứu đó đều không thể xem nhẹ. Nghiên cứu Văn minh lịch sử cổ đại Việt Nam mà xa lánh những ghi chép của cổ tịch Trung Quốc sẽ là một thiếu sót lớn đáng tiếc.

Những ghi chép và nội dung nghiên cứu về Việt Nam của Trung Quốc thời cổ chủ yếu gồm hai phần, tức chính sử và trước thuật của tư gia. Nhiều trước thuật của tư gia không có bản lưu hành đơn lẻ mà được thu thập ghi chép, bảo tồn trong loại sách tùng thư. Ta có thể sử dụng loại sách công cụ như: *Trung Quốc cổ đại văn hiến tùng thư tổng lục* (Ghi chép tổng hợp tùng thư văn hiến cổ đại Trung Quốc) rất dễ tra tìm được các trước thuật liên quan. Rất nhiều trước thuật và ghi chép đã thất lạc trong tiến trình lịch sử, nhiều tư liệu rải rác đó đây được bảo tồn trong các sách loại thư.

Trong chính sử, tức là trong 25 bộ sử có nói đến những ghi chép về Việt Nam bao gồm *Lâm Ấp - Tống sử* trở về trước, những ghi chép đó chủ yếu là ở trong sách địa lý chí và các loại kỷ truyện đế vương quan lại liên quan. Những ghi chép đó phản ánh một phần lịch sử hàng ngàn năm thời đại còn là quận huyện hoặc gọi là thời kỳ Bắc thuộc, Việt Nam dưới ách thống trị của các vương triều phong kiến Trung Quốc. Nhà sử học nổi tiếng của Việt Nam Đào Duy Anh biên soạn sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* đã sử dụng nhiều tư liệu trong chính sử và địa lý chí của Trung Quốc. Bắt đầu từ *Tống sử*, ngoài những ghi chép ở các thiên mục kỷ truyện nhân vật, nội dung

tương đối tập trung chủ yếu là *Tống sử - Giao Chỉ truyện*, *Nguyên sử - An Nam truyện*, *Minh - Giao Chỉ truyện*, *Thanh sửảo - Việt Nam truyện*. Từ *Tống sử* trở về sau số dĩ có những thiên chương ghi chép về Việt Nam, là bởi vì từ những năm đầu triều Tống, Việt Nam đã có Đinh Bộ Lĩnh xây dựng nên triều Đinh, được vương triều phong kiến Trung Quốc "sách phong", khai sinh lịch sử thời kỳ thống trị của các vương triều phong kiến độc lập tự chủ. Những thiên chương nói chung đều là những thiên chương do sử gia quan phương đời sau biên soạn ra khi tổng kết lịch sử của triều trước. Họ được sử dụng các loại tư liệu bao gồm các hồ sơ quan phương mà những học giả nói chung không dễ được phép sử dụng. Điều này phản ánh trình độ nhận thức và nghiên cứu của học giả cổ đại đối với lịch sử Việt Nam và lịch sử quan hệ Trung - Việt ở các triều đại. Giá trị của những thiên chương đó không thể xem nhẹ. Ngoài 25 bộ sử, còn có chính thư các triều đại, Minh Thanh thực lục, hồ sơ đều là những sử liệu rất có giá trị. Chẳng hạn, sách *Khâm định An Nam kỷ lược* do Phương Lược Quán triều Thanh soạn là một thí dụ.

Nói về trước thuật của tư gia, cũng có thể lấy đời Tống làm mốc. Các trước thuật đời Tống trở về trước, như *Giao Châu dị vật chí* của Dương Phu cuối đời Hán, *Nam Việt chí* của Thẩm Hoài Viễn đời Tấn, *Giao Châu ký* của Lưu Hân Kỳ, *Lĩnh Biểu lục dị* của Lưu Tuân đời Đường v.v... số quyển số tập của những ghi chép này không nhiều, nội dung cũng rất sơ lược; Đặc biệt trong số này đã thất lạc khá nhiều, chỉ dựa vào những bản góp nhặt để biết một cách đại khái. Ở đây không thể nói đến những ghi chép về Lạc điền, Lạc dân, Lạc hầu, Lạc tướng trong

Giao Châu ngoại vực ký mà *Thủy kinh* chú dẫn dụng. Những ghi chép này rất có giá trị, thường được các sử gia sử dụng làm chứng cứ. Đời Tống trở về sau, trước thuật liên quan đến Việt Nam khá nhiều, nội dung dần dần phong phú hơn, chẳng hạn đời Tống có *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, *Quế Hải ngu hành chí* của Phạm Thành Đại, *An Nam chí lược* do học giả Việt Nam đời Nguyên nhập cư Trung Quốc tên là Lê Trắc soạn; Đời Nguyên còn có *Giao Châu thảo* của Trần Cương Trung, *An Nam hành ký* của Từ Minh Thiện; Đời Minh có *Việt Kiệu thư* của Lý Văn Phụng, *Ngự Giao ký* của Trương Kính Tâm, *An Nam chí lai uy tập lược* của Giang Mỹ Trung; Đầu đời Thanh có *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng; Cuối đời Thanh có *Việt Nam địa dư đồ thuyết* của Thịnh Khánh Phát, *Việt Nam tập lược* của Từ Diên Húc v.v... Trong số đó, không ít trước thuật có thể coi là trước tác nghiên cứu về Việt Nam chuyên ngành. Đặc biệt là *An Nam chí lược*, *Ngự Giao ký*, *Việt Kiệu thư* đều là trước tác rất quan trọng đối với nghiên cứu lịch sử văn hóa Việt Nam cổ đại và quan hệ Trung - Việt.

Truyền thống nghiên cứu Việt Nam cổ đại ở Trung Quốc mãi đến cuối đời Thanh và thời Dân Quốc vẫn còn tiếp tục phát triển. Lương Khải Siêu giúp Phan Bội Châu xuất bản cuốn *Việt Nam vong quốc sử* và biên soạn *Việt Nam tiểu chí*, *Việt Nam vong quốc thảm trạng thuật lược*. Những năm 30, 40 của thế kỷ XX, nỗ lực của số đông học giả nổi tiếng trong Nam Dương học hội và Vũ Cống học hội chuyên nghiên cứu lịch sử địa lý... sau đó là hoạt động nghiên cứu, dạy học của trường chuyên khoa ngôn ngữ phương Đông đã đẩy mạnh việc nghiên cứu lịch sử giao thông giữa Trung Quốc với nước ngoài tức là quan hệ

Trung Quốc với nước ngoài và lịch sử người Hoa, đồng thời làm cho nghiên cứu Đông Nam Á và Việt Nam có được bước phát triển mới. Các học giả Trương Tú Dân, Mông Văn Thông, Phương Quốc Du... đã kế tục truyền thống học thuật của học phái Càn Gia triều Thanh đã thu được khá nhiều thành quả về mặt khảo chứng lịch sử địa lý Việt Nam. Những bài viết của Trương Tú Dân vào những năm 30, 40 khảo chứng rất công phu. Sách *Quận huyện thời đại chi An Nam* do Lê Chính Phủ biên soạn và xuất bản cũng rất có giá trị tham khảo.

Ở Việt Nam, sử tịch hình thành khá muộn. Trong bối cảnh sử tịch đó mất mát khá nhiều, thành quả nghiên cứu Việt Nam cổ đại của Trung Quốc và các trước tác đã bảo tồn được phần sử liệu quý giá về lịch sử cổ đại Việt Nam và lịch sử quan hệ Trung - Việt. Hơn nữa, nhiều học giả đời này qua đời khác truyền nhau giữ cho ngọn lửa không tắt, hình thành nên truyền thống lịch sử lâu đời về nghiên cứu Việt Nam của Trung Quốc. Có thể nói, xa rời sử liệu Trung Quốc, nghiên cứu Văn minh lịch sử cổ đại Việt Nam sẽ thiếu sót lớn đáng tiếc. Nhưng sử liệu Trung Quốc cũng phải kết hợp với sử liệu Việt Nam, cùng minh chứng cho nhau mới phát huy tốt hơn nữa giá trị của chúng.

Mấy nhận thức của chúng tôi và nghiên cứu Việt Nam cổ đại ở Trung Quốc

Thứ nhất, xét về quan niệm, lịch sử quan ở các học giả Trung Quốc thời bấy giờ khi nghiên cứu Việt Nam cổ đại thích ứng thời đại phong kiến đương thời, tồn tại tính hạn chế lịch sử rất rõ. Một mặt họ coi Việt Nam là một bộ phận của Trung Quốc, hoặc coi là "thuộc địa" hoặc "phiên thuộc" thiếu tính độc lập. Họ nghiên cứu Việt Nam với quan niệm coi

Văn hóa Việt Nam là sự kéo dài của Văn hóa Trung Quốc; Mãi cho đến học giả Lê Chính Phủ vẫn còn giữ quan điểm đó. Mặt khác họ tự cho họ là "Hoa", coi Việt Nam và các dân tộc xung quanh là "di", ứng xử với Việt Nam, nhận thức quan hệ Việt Nam với Trung Quốc theo trật tự "Hoa di". Người biên soạn sách *Tử khố toàn thư* đã cắt bớt các chữ "tiếm xưng", "đại" đối với phần bình luận bộ sách nổi tiếng *Đại Việt sử lược* du nhập vào Trung Quốc. Đó là một thí dụ. Ở mặt thứ nhất nêu trên đây phản ánh quan niệm "phên dậu" cổ đại, ở mặt thứ hai phản ánh quan niệm "Hoa di" cổ đại. Thực chất của vấn đề này là quan niệm dân tộc hẹp hòi của tầng lớp sĩ đại phu phong kiến sống trong xã hội mà cơ sở của nó là nền kinh tế tiểu nông tự cấp tự túc. Sĩ đại phu Việt Nam thời phong kiến từng chống lại và biện bác, chẳng hạn như kháng nghị của Lê Quý Đôn thời Hậu Lê đi sứ nhà Thanh, Lý Văn Phúc người đời Nguyễn đi sứ nhà Thanh viết *Biện di luận*, hoặc Nguyễn Tư Giản lại viết *Biện di thuyết*. Đồng thời như vậy, phong kiến thống trị Việt Nam cũng tiếp thu những quan niệm chính thống ấy, xử lý mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia và dân tộc xung quanh theo những quan niệm ấy, xây dựng nên hệ thống "phên dậu" của mình, hoặc gọi là hệ thống "phên dậu" thứ cấp. Đáng chú ý là, trong khi sĩ đại phu phong kiến Trung Quốc và Việt Nam đang cãi vã vấn đề "Hoa di" thì Nhật Bản đã thoát ra khỏi sự trói buộc của quan niệm tư tưởng chính thống Nho gia, "thoát Á nhập Âu", bước lên con đường phát triển cận đại hoá. Đứng về một ý nghĩa nào đó mà nói, lịch sử quan mà nòng cốt là quan niệm "phên dậu", "Hoa di" và phương thức tư duy truyền thống có thể coi là một trong những nguyên nhân văn hóa

Trung Quốc với nước ngoài và lịch sử người Hoa, đồng thời làm cho nghiên cứu Đông Nam Á và Việt Nam có được bước phát triển mới. Các học giả Trương Tú Dân, Mông Văn Thông, Phương Quốc Du... đã kế tục truyền thống học thuật của học phái Càn Gia triều Thanh đã thu được khá nhiều thành quả về mặt khảo chứng lịch sử địa lý Việt Nam. Những bài viết của Trương Tú Dân vào những năm 30, 40 khảo chứng rất công phu. Sách *Quận huyện thời đại chi An Nam* do Lê Chính Phủ biên soạn và xuất bản cũng rất có giá trị tham khảo.

Ở Việt Nam, sử tịch hình thành khá muộn. Trong bối cảnh sử tịch đó mất mát khá nhiều, thành quả nghiên cứu Việt Nam cổ đại của Trung Quốc và các trước tác đã bảo tồn được phần sử liệu quý giá về lịch sử cổ đại Việt Nam và lịch sử quan hệ Trung - Việt. Hơn nữa, nhiều học giả đời này qua đời khác truyền nhau giữ cho ngọn lửa không tắt, hình thành nên truyền thống lịch sử lâu đời về nghiên cứu Việt Nam của Trung Quốc. Có thể nói, xa rời sử liệu Trung Quốc, nghiên cứu Văn minh lịch sử cổ đại Việt Nam sẽ thiếu sót lớn đáng tiếc. Nhưng sử liệu Trung Quốc cũng phải kết hợp với sử liệu Việt Nam, cùng minh chứng cho nhau mới phát huy tốt hơn nữa giá trị của chúng.

Mấy nhận thức của chúng tôi và nghiên cứu Việt Nam cổ đại ở Trung Quốc

Thứ nhất, xét về quan niệm, lịch sử quan ở các học giả Trung Quốc thời bấy giờ khi nghiên cứu Việt Nam cổ đại thích ứng thời đại phong kiến đương thời, tồn tại tính hạn chế lịch sử rất rõ. Một mặt họ coi Việt Nam là một bộ phận của Trung Quốc, hoặc coi là "thuộc địa" hoặc "phiên thuộc" thiếu tính độc lập. Họ nghiên cứu Việt Nam với quan niệm coi

Văn hóa Việt Nam là sự kéo dài của Văn hóa Trung Quốc; Mãi cho đến học giả Lê Chính Phủ vẫn còn giữ quan điểm đó. Mặt khác họ tự cho họ là "Hoa", coi Việt Nam và các dân tộc xung quanh là "di", ứng xử với Việt Nam, nhận thức quan hệ Việt Nam với Trung Quốc theo trật tự "Hoa di". Người biên soạn sách *Tứ khố toàn thư* đã cắt bớt các chữ "tiếm xưng", "đại" đối với phần bình luận bộ sách nổi tiếng *Đại Việt sử lược* du nhập vào Trung Quốc. Đó là một thí dụ. Ở mặt thứ nhất nêu trên đây phản ánh quan niệm "phên dậu" cổ đại, ở mặt thứ hai phản ánh quan niệm "Hoa di" cổ đại. Thực chất của vấn đề này là quan niệm dân tộc hẹp hòi của tầng lớp sĩ đại phu phong kiến sống trong xã hội mà cơ sở của nó là nền kinh tế tiểu nông tự cấp tự túc. Sĩ đại phu Việt Nam thời phong kiến từng chống lại và biện bác, chẳng hạn như kháng nghị của Lê Quý Đôn thời Hậu Lê đi sứ nhà Thanh, Lý Văn Phúc người đời Nguyễn đi sứ nhà Thanh viết *Biện di luận*, hoặc Nguyễn Tư Giản lại viết *Biện di thuyết*. Đồng thời như vậy, phong kiến thống trị Việt Nam cũng tiếp thu những quan niệm chính thống ấy, xử lý mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia và dân tộc xung quanh theo những quan niệm ấy, xây dựng nên hệ thống "phên dậu" của mình, hoặc gọi là hệ thống "phên dậu" thứ cấp. Đáng chú ý là, trong khi sĩ đại phu phong kiến Trung Quốc và Việt Nam đang cãi vã vấn đề "Hoa di" thì Nhật Bản đã thoát ra khỏi sự trói buộc của quan niệm tư tưởng chính thống Nho gia, "thoát Á nhập Âu", bước lên con đường phát triển cận đại hoá. Đứng về một ý nghĩa nào đó mà nói, lịch sử quan mà nòng cốt là quan niệm "phên dậu", "Hoa di" và phương thức tư duy truyền thống có thể coi là một trong những nguyên nhân văn hóa

quan trọng dẫn đến hệ quả lịch sử cổ đại của cả hai nước Trung - Việt phát triển chậm chạp, lạc hậu với bước phát triển của thế giới cận đại. Một học giả Mỹ tên là Keith W. Taylor, trong báo cáo khoa học của mình tại Hội nghị quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất đã chỉ rõ, điều quan trọng nhất khi nghiên cứu Việt Nam là phải nắm vững tính thống nhất của một Việt Nam. Tôi cũng từng nêu, tính dân tộc độc lập và tính sáng tạo là nội dung cốt lõi của tư duy dân tộc và Văn hóa lịch sử Việt Nam. Xuất phát từ nhận thức này, chúng ta có thể nói rằng, lịch sử quan và phương thức tư duy truyền thống này cũng là căn nguyên tư tưởng quan trọng dẫn đến phạm sai lầm không chỉ một lần của thống trị phong kiến Trung Quốc cổ đại khi xử lý vấn đề Việt Nam, khiến họ bỏ qua tính độc lập và tính sáng tạo của Việt Nam. Kể thống trị Mỹ hiện đại đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong vấn đề Việt Nam, sa vào vũng lầy chiến tranh Việt Nam là do họ xem nhẹ tính thống nhất của Việt Nam.

Thứ nhì, nghiên cứu Việt Nam thời cổ đại của Trung Quốc thể hiện sự coi trọng và quan tâm theo dõi của học giả Trung Quốc đời này qua đời khác đối với các quốc gia và dân tộc xung quanh. Trước thuật của họ khá nhiều, giá trị của chúng không thể xem nhẹ. Nhưng với cách nhìn hiện nay thì nội dung của chúng lại có thể nói chưa được phong phú, chưa toàn diện. Tư Mã Thiên viết *Sử ký* ngàn đời bất hủ, đã ghi chép hoạt động của nhiều quốc gia và dân tộc xung quanh với tầm nhìn hết sức rộng lớn. Nhưng khi chúng tôi tìm kiếm lịch sử Việt Nam thời Tần - Hán và trước đó, thì cảm thấy sử liệu ở đó chưa nhiều. Hứng thú ghi chép và nghiên cứu Việt Nam của không ít học giả bấy giờ khác với hứng thú và nhu cầu

của chúng ta ngày nay, thậm chí khác nhau rất xa. Có lúc, để phục vụ cho nhu cầu chính trị phong kiến, trang điểm cho thống trị phong kiến, người ta đã không phản ánh sự thực lịch sử. Chẳng hạn, sách *An Nam kỷ lược* do Phương Lược Quán triều Thanh soạn coi việc chinh phạt An Nam là một trong mười vũ công lớn của Càn Long, tô vẽ nên sự kiện "Nguyễn Quang Bình tự vào châu" dự lễ mừng thọ Càn Long 80 tuổi. Cũng chính vì việc đó, Tiên Đại Hán lúc ấy đã về hưu được gọi vào triều, tìm *An Nam chí lược* của Lê Trác đọc kỹ để chuẩn bị khi được hỏi. Một số học giả, hoặc do làm quan ở vùng đất biên giới phía Tây Nam, hoặc vì xảy ra chiến sự với Việt Nam, đã tự mình ghi chép những sự việc mà mình trải qua và cảm hứng. Chẳng hạn như *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, chính là để trả lời những vấn đề hiếu kỳ của con người, ông đã viết vào sách những việc ông cảm thấy lý thú thay vì phải đối đáp trực tiếp quá mệt mỏi. Nhưng, có một số nội dung chúng ta rất hứng thú không phải là không ghi chép vào đó, mà là quá sơ lược. Có lúc có những việc hứng thú tương tự, chẳng hạn nghiên cứu lịch sử tiền tệ và lịch sử quan hệ Trung - Việt là vấn đề từ xưa đến nay người ta thích tìm tòi nghiên cứu. Sách *Tuyên chí* của Hồng Tôn đời Tống có một ghi chép về vấn đề đúc tiền ở thời Đinh và Tiền Lê của Việt Nam, những ghi chép đó rất có giá trị. Sách *Khả Trai tạp cáo* của Lý Bá Tăng ghi chép nhiều sử liệu về quan hệ ngoại giao tam giác giữa Nam Tống, Nguyên Mông và triều Trần.

Thứ ba, nghiên cứu Việt Nam đòi hỏi phải có một tri thức chuyên ngành nhất định, phải có hiểu biết thực tế nhất định về Việt Nam, có như thế thì những ghi chép và nghiên cứu về Việt Nam mới có

giá trị, mới tránh được thiếu sót. Thời Minh - Thanh do cách biệt về ngôn ngữ, nhiều nhân sĩ Trung Quốc và Việt Nam khi trao đổi phải bút đàm. Học giả cuối đời Minh là Chu Thuấn Thủy từng sống ở vùng đất phương Nam do chúa Nguyễn thống trị, soạn cuốn sách *An Nam cung dịch kỷ sự*. Nhà Nguyễn muốn tìm một số người có học vấn để giúp việc chính sự, học giả họ Chu này tưởng là sẽ bị chém đầu, thực tế là người ta mời ông làm quan. Lương Khải Siêu sau này có nghiên cứu Chu Thuấn Thủy, đã lẫn lộn Chính quyền họ Nguyễn ở miền Nam với Chính quyền họ Trịnh ở miền Bắc. Một số trước thuật của học giả khảo sát thực địa ở Việt Nam rất có giá trị. Thí dụ, Hoà thượng Thích Đại Sán ở Quảng Châu đời Thanh được chúa Nguyễn miền Nam mời sang ở lại hơn một năm, sau khi về nước cho in sách *Hải ngoại kỷ sự*, giúp chúng ta nhận thức lịch sử Chính quyền nhà Nguyễn và quan hệ Trung - Việt. Thái Đình Lan đi thuyền giữa biển, gặp gió bão dạt vào Việt Nam, đi theo con đường bộ từ Nam ra Bắc, trải mấy tháng trời mới về nước, tiếp xúc nhiều với người Hoa, soạn quyển *Nam Hải tạp trữ* rất có giá trị trong việc nghiên cứu người Hoa thời kỳ trước nhà Nguyễn. Cao Hùng Trưng, một nhà Nho ở phủ Tư Minh, Quảng Tây đầu đời Thanh có soạn các tác phẩm *An Nam chí*, *Trình Tuyền trai toàn cảo* lưu hành ở đời. Tác phẩm *An Nam chí* của ông thường được các trước tác quan phương và tư gia triều Nguyễn nhắc tới. Rất có thể lúc ông ta làm quan ở Quảng Tây đã thu thập được một số ít sử liệu về Việt Nam, đặc biệt là có thể đã sử dụng tài liệu địa phương chí về Giao Chỉ do quan lại đời Minh biên soạn.

Thứ tư, nghiên cứu Việt Nam của học giả Trung Quốc cổ đại có mối quan hệ

nhất định với học giả Việt Nam, có một số thành quả có thể nói là do học giả hai nước cùng sáng tạo ra. Chẳng hạn *An Nam chí lược* nhiều học giả đời Nguyên đã viết tựa, có ảnh hưởng lớn. Sách *Đại Việt sử ký tiền biên* được biên soạn dưới triều Tây Sơn, nhờ có nhà tàng thư đồng thời là nhà kim thạch học đời Thanh là Lưu Hy Hải hiệu chú sao chép, được lưu truyền ở Trung Quốc. Điển hình hơn là văn học đi sứ. Trao đổi sứ giả là hình thức hữu hảo qua lại quan trọng trong lịch sử giữa Trung Quốc với các nước xung quanh, đó cũng là kênh quan trọng tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa Trung Quốc với các quốc gia xung quanh. Trao đổi sứ giả một cách ngoạ mục và thành quả văn học đi sứ rạch ròi là do các học giả quan chức ngoại giao của Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên và các nước khác cùng lao động, cùng sáng tạo. Ở mức độ nào đó, việc trao đổi sứ giả đã thúc đẩy việc nghiên cứu Việt Nam của Trung Quốc. Ghi chép về những chuyến đi sứ Yên Kinh (*Yên hành ký*) của sứ giả Việt Nam, Triều Tiên vào đời Thanh, những sáng tác khi xướng họa giữa quan viên, học giả Trung Quốc với họ không những có giá trị về văn học mà còn có giá trị về sử học và nhiều mặt khác. Tác phẩm *Tiếp hộ Việt Nam cống sứ nhật ký* (Nhật ký tiếp Cống sứ Việt Nam) của Mã Tiên Đăng là sử liệu không thể xem nhẹ trong nghiên cứu quan hệ Trung - Việt thời hậu kỳ nhà Thanh. Để hoàn thành tốt công việc ứng đối văn từ, tiếp đón tiễn đưa Cống sứ Việt Nam, hoặc nhận nhiệm vụ đi sứ buộc một số quan viên học giả tư vấn hoặc bổ nhiệm đi sứ phải tìm hiểu Việt Nam, tăng cường nghiên cứu Việt Nam. Khâm sai Quảng Tây đời Thanh tên là Lao Sùng Quảng đi sứ Việt Nam, có tập

thơ *Thi thảo* rất có ảnh hưởng ở Việt Nam. Ở Thư viện Quốc gia Trung Quốc có cuốn *Việt Nam sử thần thi sao chép* gom nhiều tác phẩm xướng hoạ của sứ thần triều Nguyễn là Nguyễn Thuật và bạn là quan chức triều Thanh.

3. Hiện trạng và xu thế phát triển của Việt Nam học của Trung Quốc đương đại

Trong những thập kỷ 50, 60, 70 của thế kỷ XX, Việt Nam học của Trung Quốc kế thừa truyền thống nghiên cứu Việt Nam cổ đại và tiếp tục được phát triển dưới sự chỉ đạo của lịch sử quan mới. Một mặt tìm tòi nghiên cứu giao lưu hữu hảo Trung - Việt, phục vụ cho quan hệ hữu hảo Trung - Việt. Chẳng hạn bài viết của ông Trần Tu Hòa: *Lịch sử thượng Trung Việt hữu hảo giao vãng hòa văn hóa giao lưu* (Quan hệ hữu hảo và giao lưu văn hóa Trung - Việt trong lịch sử) đã sớm được phiên dịch giới thiệu vào Việt Nam. Mặt khác chú trọng dạy ngôn ngữ, chú trọng phiên dịch giới thiệu một số thành quả nghiên cứu của Việt Nam, bồi dưỡng nhân tài nghiên cứu Việt Nam học. Trước thuật của học giả nổi tiếng Việt Nam Đào Duy Anh, Trần Huy Liệu, Minh Tranh... phần lớn được phiên dịch giới thiệu vào Trung Quốc ở thời kỳ này.

Cuối thập kỷ 70 và thập kỷ 80 của thế kỷ XX, do ảnh hưởng quan hệ Trung - Việt không bình thường, tuy có nhiều bài viết về Việt Nam và quan hệ Trung - Việt, nhưng trong đó có không ít bài viết thiếu tính học thuật, giá trị hạn chế. Đáng nêu ra ở đây là sách *Cổ đại Trung Việt quan hệ tư liệu hội biên* (Tập hợp tư liệu về quan hệ Trung - Việt thời cổ) do Giáo sư Trần Trí Siêu chủ biên là bộ sách rất có giá trị, có ảnh hưởng lớn, là một trong

những thành quả quan trọng về Việt Nam học của Trung Quốc thập kỷ 80. Còn có khảo chứng về *An Nam chí nguyên* của Trương Tú Dân cho rằng phần chủ yếu của sách này phải chăng là địa phương chí: *Vinh Lạc Giao Chỉ tổng chí* do quan phương biên soạn vào thời kỳ nhà Minh chiếm đóng Việt Nam. Khảo chứng này đã được Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử của Việt Nam phiên dịch giới thiệu. Khảo chứng về *An Nam chí nguyên* còn nhắc tới Cao Hùng Trưng và *An Nam chí* của ông, nhưng vấn đề này ông chưa giải quyết triệt để.

Thập kỷ 90 trở về sau là thời kỳ Việt Nam học của Trung Quốc phát triển mạnh. Biểu hiện chủ yếu ở mấy mặt dưới đây:

Thứ nhất, phạm vi Việt Nam học của Trung Quốc đương đại được mở rộng, lĩnh vực truyền thống Việt Nam học của Trung Quốc là sử học và ngôn ngữ văn học, đến nay hai lĩnh vực này vẫn là cơ sở của nghiên cứu Việt Nam, gây ảnh hưởng quan trọng. Đồng thời, nghiên cứu về các mặt văn hoá, dân tộc, tôn giáo, pháp luật, đặc biệt là nghiên cứu xoay quanh vấn đề hiện trạng Việt Nam liên quan đến các mặt chính trị, kinh tế, ngoại giao, xã hội cũng được thúc đẩy toàn diện, không ngừng đi vào chiều sâu ảnh hưởng càng ngày càng lớn và đang phát triển thành trọng điểm Việt Nam học. Mở rộng phạm vi nghiên cứu như vậy thích ứng với đòi hỏi của sự phát triển mối quan hệ hữu nghị láng giềng, hợp tác toàn diện Trung - Việt, đó cũng là nhu cầu xây dựng và phát triển tự thân khoa học Việt Nam học.

Thứ nhì, đội ngũ nghiên cứu không ngừng mở rộng, học giả hứng thú với Việt

Nam học ngày càng đông. Học giả nghiên cứu Việt Nam học của Trung Quốc phân bố ở các cơ quan nghiên cứu khoa học và học viện, trường đại học các tỉnh và thành phố Bắc Kinh, Hà Nam, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến. Hiện tại có ít nhất 200 cán bộ nghiên cứu, nhưng không ít người nghiên cứu Đông Nam Á hoặc nghiên cứu theo một hướng khác nào đó kiêm luôn cả nghiên cứu Việt Nam. Ngoài ra, một số người làm công tác ngoại vụ, phóng viên nhà báo, bao gồm một số cán bộ đã nghỉ hưu cũng đang nghiên cứu Việt Nam, họ đã đóng góp nhiều cho Việt Nam học. Phá vỡ giới hạn mà trước đây các ngành khoa học chia nhỏ, một số học giả nghiên cứu lịch sử và văn học Trung Quốc cũng đang tham gia hàng ngũ nghiên cứu Việt Nam, nhằm thúc đẩy Việt Nam học đi vào chiều sâu.

Thứ ba, học giả nghiên cứu Việt Nam đã hình thành đội ngũ bậc thang học thuật gồm ba lớp khác nhau về tuổi tác: Già, trung niên, trẻ kết hợp với nhau, sự nghiệp Việt Nam học đã có người tiếp nối. Nhiều bậc học giả tiền bối đã đặt cơ sở vững vàng cho Việt Nam học, đóng góp tâm huyết cho việc đào tạo lớp cán bộ nghiên cứu trẻ về Việt Nam học. Nhiều học giả trung niên đã gặt hái được thành quả, trở thành lực lượng trung niên. Hiện nay, một số hướng nghiên cứu liên quan đến Việt Nam như Ngôn ngữ, Văn hóa, Lịch sử... không những có thể đào tạo Thạc sĩ mà còn có thể đào tạo Tiến sĩ. Lớp lớp Thạc sĩ và Tiến sĩ trẻ kế tiếp nhau hoàn thành chương trình đào tạo, đặt cơ sở nghiên cứu rất tốt. Theo đà phát triển của giao lưu văn hóa Trung - Việt, đã có một số học giả đã giành được học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ ở Việt Nam hoặc ở nước khác. Số Thạc sĩ và Tiến sĩ được đào tạo trong nước và nước ngoài này là hy

vọng chấn hưng và phát triển Việt Nam học của Trung Quốc.

Thứ tư, thành quả nghiên cứu khoa học liên tiếp ra đời, nghiên cứu ngày càng đi vào chiều sâu. Trước tác chuyên nghiên cứu lịch sử và hiện trạng Việt Nam từ thập kỷ 90 trở lại đây có hàng chục bộ. Đới Khả Lai dịch *Việt Nam thông sử* (nguyên tác của Trần Trọng Kim), Phạm Hoàng Quý chủ biên *Việt Nam, Cu Ba đích xã hội chủ nghĩa* (Xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, Cu Ba), Lương Chí Minh biên soạn *Việt Nam đích kinh tế cải cách hòa hiện đại hóa* (Cải cách kinh tế và hiện đại hóa của Việt Nam), Cổ Tiểu Tùng biên soạn *Việt Nam đích xã hội chủ nghĩa* (Xã hội chủ nghĩa của Việt Nam), *Tòng ân ân oán oán đao bình đẳng hồ lợi - Trung Việt quan hệ ngũ thập niên* (Từ ân ân oán oán đến bình đẳng cùng có lợi - 50 năm quan hệ Trung - Việt), Cốc Nguyên Dương chủ biên *Việt Nam đích quốc doanh xí nghiệp cải cách* (Cải cách xí nghiệp quốc doanh của Việt Nam), Quách Chấn Đặc chủ biên *Việt Nam thông sử*, Bì Quân biên soạn *Trung Việt kinh tế thể chế cải cách bí giáo nghiên cứu* (Nghiên cứu so sánh cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc và Việt Nam), Vu Hương Đông chủ biên *Đông phương trừ danh triết học gia bình truyện - Việt Nam quyển* (Truyện các nhà triết học phương Đông nổi tiếng - quyển truyện về Việt Nam), Lâm Minh Hoa biên soạn *Tim hiểu ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam*, Vương Tiểu Thuần biên soạn *Tòng Đôn Hoàng học đao ngoại vực hán văn học* (Từ Đôn Hoàng học đến văn học hán ngoại vực), Trương Gia Tường biên soạn *Việt Nam*. Sở nghiên cứu Đông Nam Á Quảng Tây những năm gần đây theo lệ hàng năm xuất bản *Việt Nam quốc tình báo cáo* (Thông báo tình hình đất nước

Việt Nam) đưa lại thuận lợi cho nghiên cứu Việt Nam, có ảnh hưởng rất tốt. Ngoài ra, có nhiều tác phẩm biên soạn, tác phẩm dịch, giáo trình về các mặt ngôn ngữ văn học, dân tộc học, luật học... đã được xuất bản. Các bài viết nghiên cứu chuyên đề về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, ngoại giao... thì không kể hết. Đặc biệt cần phải kể đến bộ sách *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục để yếu* (Mục lục tóm tắt văn hiến Hán Nôm Việt Nam) do Giáo sư Vương Tiểu Thuần, Đại học Thanh Hoa, Giáo sư Lưu Xuân Ngân học giả Đài Loan và Giáo sư Trần Nghĩa, Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam đồng chủ biên là bộ sách công cụ quan trọng không thể thiếu trong việc nghiên cứu Văn hóa và Văn minh lịch sử Việt Nam, thể hiện thành quả mới của mục lục học.

Trước mắt, Việt Nam học của Trung Quốc đang ở vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ, thành quả nghiên cứu ngày càng nhiều, trong đó trước tác tinh túy ngày càng tăng.

Nhìn từ xu thế phát triển của Việt Nam học, có hai mặt đáng chú ý:

Thứ nhất, chịu ảnh hưởng trào lưu tư tưởng học thuật trong và ngoài Trung Quốc, Việt Nam học sẽ càng phải chú trọng hơn tiếp thu tư tưởng, phương pháp mới, coi trọng hơn nữa sự giao thoa của đa ngành khoa học và sự nghiên cứu tổng hợp. Phái Niên giám học phương Tây đề xướng phương pháp nghiên cứu đa ngành, nghiên cứu lịch sử nhân loại với quan điểm lịch sử toàn diện. Thập kỷ 90 trở lại đây, N. Tarling chủ biên cuốn *Kiểm Kiếu Đông Nam Á sử* (Đại học Cambrige với lịch sử Đông Nam Á), A. G. Frank biên soạn *Bạch ngân tư bản... trọng thị kinh tế toàn cầu hóa Đông phương* (Tư bản bạc

trắng... phương Đông coi trọng kinh tế toàn cầu hóa) và William biên soạn *Toàn cầu thông sử - 1500 niên tiền hậu đích thế giới* (Thông sử toàn cầu - Thế giới trước sau 1500 năm) đã dùng quan niệm tư tưởng và phương pháp mới để khảo sát lịch sử Đông Nam Á và lịch sử thế giới. Các lưu phái khác nhau của Trung Quốc học nước Mỹ, đặc biệt là học phái ở bang California có ảnh hưởng lớn trong giới học thuật Trung Quốc. Chịu ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng và các lưu phái đó, Việt Nam học của Trung Quốc có khả năng sẽ tiến thêm một bước mở rộng bình diện, khai thác chiều sâu.

Theo đà đổi mới của quan niệm tư tưởng và phương pháp nghiên cứu, từ góc độ văn minh lịch sử, Việt Nam học có hai vấn đề quan trọng đáng được suy nghĩ và nhận thức lại. Một là, phải nhìn nhận thế nào mức độ chân thực của một số truyền thuyết lịch sử thượng cổ Việt Nam. Không ít học giả từng một thời gian dài phủ nhận thời kỳ Hùng Vương và coi nhẹ sự tồn tại của nền văn minh thượng cổ Việt Nam. Hai là, phải nhận thức ra sao đặc trưng và bản chất của nền Văn hóa và Văn minh dân tộc Việt Nam, đặc biệt là văn hóa cổ đại chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền Văn hóa Hán và Văn hóa Ấn Độ, nhưng lại khác với Văn hóa Trung Quốc, càng không giống Văn hóa Ấn Độ. Theo nhận xét của tôi, tính dân tộc (Việt Nam vốn có, phản ánh đặc trưng tư duy và tâm lý dân tộc, có cơ sở nguồn gốc dân tộc Việt Nam), tính độc lập (có quan hệ mật thiết với văn hoá dân tộc khác song lại tự thành một chỉnh thể, có hệ thống độc lập, chính do dân tộc kế thừa và phát triển), tính sáng tạo (tiếp thu trong sáng tạo, sáng tạo trong tiếp thu) biến văn hoá ngoại lai thành của dân tộc) có thể là đặc trưng quan trọng.

Thứ nhì, cán bộ làm công tác nghiên cứu Việt Nam có khả năng tăng nhiều hơn, đội ngũ mở rộng, cơ sở nghiên cứu các mặt có thể sẽ tăng cường hơn nữa. Những học giả trước đây chú trọng nghiên cứu Trung Quốc dần dần hứng thú nghiên cứu Việt Nam hơn, họ gia nhập hàng ngũ những người nghiên cứu Việt Nam học, có thể thúc đẩy nghiên cứu Việt Nam học có bước đột phá mới, sẽ có ảnh hưởng nhất định đối với nghiên cứu Văn minh lịch sử Trung Quốc. Trên một ý nghĩa nào đó, Trung Quốc học là cơ sở của Việt Nam học; Ngược lại, nghiên cứu Việt Nam học cũng có thể thúc đẩy Trung Quốc học đi vào chiều sâu. Giáo sư Vương Tiểu Thuần từng chỉ rõ, cổ tịch Việt Nam có thể giống như văn hiến Đôn Hoàng có ảnh hưởng mang tính xung kích đối với nghiên cứu đa ngành của học thuật cổ đại Trung Quốc. Việt Nam học trải qua một thời kỳ phát triển, qua tổng kết bài học kinh nghiệm, sẽ càng chú trọng hơn việc xây dựng nền tảng nghiên cứu vững chắc. Một là, coi trọng sưu tập tư liệu cơ bản, chỉnh lý, biên soạn xuất bản; Hai là coi trọng rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, không những phải biết tiếng Việt, còn phải biết tiếng Anh,

tiếng Pháp hoặc tiếng Nhật; Ba là, tăng cường mối quan hệ và trao đổi với giới học thuật Việt Nam, năng tiếp xúc, đi khảo sát thực địa nhiều, tăng thêm cảm thụ thực tế. Những điều này có thể là khâu yếu đang bức xúc tăng cường của Việt Nam học của Trung Quốc.

Người viết bài này do hiểu biết hạn hẹp, học vấn đơn sơ, lại viết bài trong thời gian tu nghiệp nghiên cứu Việt Nam, tư liệu có trong tay hạn chế, rất có thể nói một sót mười, xin được người đọc chỉ giáo. Xin được nói rõ, ở đây chủ yếu giới thiệu một số tình hình ở đại lục. Ở Hồng Kông, Đài Loan cũng có một số học giả hứng thú nghiên cứu Việt Nam, thu được nhiều thành tựu, như các học giả tiền bối Giáo sư Nhiều Tông Di, Giáo sư Trần Kinh Hoà, Giáo sư Quách Đình Dĩ. Đặc biệt, Giáo sư Trần Kinh Hoà đã cống hiến tinh thần và sức lực của đời mình cho Việt Nam học, thành quả mà ông giành được là to lớn. Ngoài ra còn nhiều học giả khác như: Lã Sĩ Bằng, Hứa Văn Đường, Trần Hồng Du... đều đóng góp cho Việt Nam học. Những tấm gương ấy bài viết này chưa bàn tới, tạm thời điểm qua. Xin được lượng thứ.

